

## Các thanh *hỏi* - *ngã* trong chữ quốc ngữ và giọng Sài Gòn

Nguyễn Cung Thông<sup>a</sup>

### Tóm tắt:

Bài này bàn về 6 thanh điệu tiếng Việt từ thế kỷ XVII qua các tài liệu bằng chữ quốc ngữ, đặc biệt là thanh *hỏi* và *ngã*, ký hiệu là ? và ~ đặt trên các nguyên âm liên hệ theo chính tả hiện hành. Không có máy thu thanh và phân tích tần số, các giáo sĩ Âu châu đã dùng nốt nhạc Tây phương để ghi lại thanh điệu tiếng Việt (de Rhodes, Morrone, Taberd...). Cách phân tích gần như ‘định lượng’ này cho ta thấy thanh *hỏi* từng cao hơn thanh *ngã* trong tiếng Việt ở Đông Kinh (Hà Nội, Đàng Ngoài) cũng giống như giọng Bình Định hiện nay. Thanh *hỏi* tiếng Việt bây giờ lại thấp hơn thanh *ngã* (giọng Hà Nội), hay nhập lại như giọng Sài Gòn hiện đại (cũng như một số phương ngữ ở miền Trung). Bài này đề nghị giọng Bình Định là một nguồn trong nhiều nguồn có thể, tạo ra giọng Sài Gòn hiện đại. Kết quả cho thấy cần tra cứu thêm chi tiết giọng Bình Định/Qui Nhơn và các đặc tính giọng Sài Gòn để xác định thêm chính xác quá trình hình thành phương ngữ này theo dòng lịch sử.

**Từ khóa:** *tiếng Việt, thanh hỏi, thanh ngã, nốt nhạc, giọng Hà Nội, giọng Bình Định, giọng Sài Gòn, thế kỷ XVII*

---

<sup>a</sup> Nhà nghiên cứu độc lập; 1/27 Glen Court, Glen Waverley Victoria, Australia.  
e-mail: nguyencungthong@gmail.com

## *Hỏi* and *Ngã* Tones since the 17<sup>th</sup> Century in Chữ Quốc Ngữ and Saigon Accent.

Nguyen Cung Thong<sup>a</sup>

### **Abstract:**

This article deals with the six tones in Vietnamese language since the 17th century via the official Vietnamese alphabet (chữ quốc ngữ). Particularly the intricate hỏi and ngã tones: hỏi tone involves low rising tone (symbol?) and ngã tone involves high broken tone (symbol ~), these tone marks are located above their related vowel sound. Lacking recorded instrumentations, musical notes are the closest and quasi-scientific data that pioneering European missionaries have used to depict these tones (de Rhodes/1651, *Manuductio ad Linguam Tunkinensem - MLT*). These data show that hỏi tone used to be higher than ngã tone in Tonkin, this trend is completely reversed now (ie. current Hanoi accent). Following data also reveal that Saigon accent did differentiate hỏi and ngã tones (Morrone/1819, Taberd/1838) unlike present situation. A proposed explanation for present Saigon accent is partially from Binh Dinh/Qui Nhon dialects which also show that hỏi tone is higher than ngã tone. The findings suggest further researches in Binh Dinh/Qui Nhon dialects and other possible sources that contribute towards the make-up of present-day Saigon dialect including its specific accent.

**Keywords:** *Vietnamese language, ngã tone, hỏi tone, musical note, Hanoi accent, Binh Dinh accent, Saigon accent, the 17<sup>th</sup> century*

**Received: 31.10.2023; Accepted: 15.12.2024; Published: 30.12.2024**

**DOI: 10.59907/daujs.3.4.2024.403**

---

<sup>a</sup> Independent Researcher; 1/27 Glen Court, Glen Waverley Victoria, Australia.  
e-mail: nguyencungthong@gmail.com

### Các âm *hỏi* và *ngã* trong chữ Nôm

Trước khi chữ quốc ngữ ra đời, người Việt đã dùng chữ Hán và chữ Nôm để ghi lại các bài văn, thi ca, thư từ... Tuy nhiên, chữ Nôm (ghi lại tiếng Việt bản địa) không phân biệt âm *hỏi* và *ngã* rõ rệt như các thí dụ sau đây

*mở mở*: chữ Nôm dùng chữ *mã* 馬 (Hán tự).

*mả mả*: chữ Nôm dùng chữ *mã* 馬 (Hán tự).

*ngỏ ngõ*: chữ Nôm dùng chữ *ngọ* 午 (Hán tự).

*lả lả*: chữ Nôm dùng chữ *lã* (lữ) 呂 (Hán tự).

*ngả ngã*: chữ Nôm dùng chữ *ngã* 我 (Hán tự).

*vẻ vễ*: chữ Nôm thường dùng chữ *vĩ* 尾 (Hán tự).

*lẻ*: chữ Nôm thường dựa vào chữ *lễ* 禮, còn *lẽ* thì dựa vào chữ *lễ* hay *lý* 理 (Hán tự)

...

Thành ra chữ Nôm không giải quyết thỏa đáng thanh điệu tiếng Việt vì khả năng lẫn lộn như trên, nhất là khi vốn từ vựng tiếng Việt phát triển theo đà văn minh của phương Tây. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của chữ quốc ngữ, dựa trên các con chữ latin và Bồ Đào Nha.

### Các âm *hỏi* *ngã* trong giai đoạn phôi thai của chữ quốc ngữ

Các giáo sĩ Tây phương tiên phong<sup>1</sup> đều nhận thấy tiếng Việt rất giàu thanh điệu, như theo linh mục de Rhodes: *“Riêng tôi xin thú nhận rằng khi vừa tới Đàng Trong nghe người Việt nói chuyện với nhau, nhất là giữa nữ giới, tôi có cảm tưởng như mình nghe chim hót và tôi đâm thất vọng vì nghĩ rằng không bao giờ có thể học được tiếng Việt”*.

Linh mục Marini nhận xét rằng: *“dường như dân Việt bẩm sinh đã có một cơ thể rất chính xác, được điều chỉnh thật đúng và hòa hợp hoàn toàn với trí óc cùng buồng phổi; phải nói là, theo tự nhiên, người Việt là **nhạc sư**, vì họ có tài phát âm một cách nhẹ nhàng và chỉ hơi biến thành là đã khác nghĩa”*.

Linh mục Borri<sup>2</sup> cũng ghi nhận: *“Tiếng An Nam... càng phong phú hơn trong dấu và giọng, và do đó du dương hơn. Theo ý kiến của tôi, để nắm bắt sự khác nhau của các giọng và dấu thì những người có lỗi tại **âm nhạc** một cách tự nhiên sẽ dễ học tiếng An Nam hơn tất cả người khác”*.

<sup>1</sup> Trích từ: Đỗ Quang Chính (1972), *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620 - 1659*. Sài Gòn: Tủ sách Ra Khai.

<sup>2</sup> Trích từ bài dịch “Tuồng thuật về sứ mạng mới của các linh mục dòng J sus tại vương quốc An Nam” của Cristoforo Borri (1631). Bản tiếng Pháp của tác giả Bonifacy, bản tiếng Việt của Phạm Văn Bản (4/2011).

Nếu chỉ giải thích một cách định tính (qualitative/ A) như các tài liệu trên thì rất khó hiểu thanh điệu tiếng Việt là gì. Ta hãy xem lại các tài liệu dùng nốt nhạc<sup>1</sup> để ký âm thanh điệu tiếng Việt. Đầu tiên là từ Bản báo cáo (BBC) của de Rhodes in năm 1651. Sáu chữ dùng làm thí dụ về thanh điệu [linh mục de Rhodes, *Manuductio ad Linguam Tunkinensem* (MLT) - tiền bán thế kỷ 17?] là *ba bá bà bã bạ bả*:

\* *ba* - thanh ngang [linh mục de Rhodes, MLT đều ghi nghĩa là số *ba* và không có dấu - *Từ điển Việt-Bồ-La* (VBL) ghi *ba*]. Chữ Nôm cổ thường dùng Hán tự *ba* 巴 (nghĩa là *bò, đào...*) hay sau đó thêm số *ba* (Hán tự là *tam* 三) vào chữ *ba* 巴 cho rõ nghĩa qua dạng 𠵿 (đọc là *ba*, nghĩa là số *ba*).

\* *bá* - thanh sắc (linh mục de Rhodes, MLT đều ghi nghĩa là *bà thiếp của vua chúa* hay *thủ lãnh*, bây giờ không còn dùng nữa. Ngoài Bắc *bá* là đàn bà lớn tuổi như mẹ, hay người giữ đền... VBL ghi *bá*). Một dạng chữ Nôm dùng Hán tự *bá* 播 (âm giống nhưng nghĩa khác ~ *ban bố, bố cáo, tuyên bố...*).

\* *bà* - thanh huyền (linh mục de Rhodes, MLT đều ghi nghĩa là *bà già/nội/ngoại* hay *bà Chúa...* VBL ghi *bà*). Một dạng chữ Nôm dùng Hán tự *ba* 巴 (đọc là *ba*, biểu âm) và thêm bộ nữ 女 vào cho rõ nghĩa, cho ra dạng 𠵿 (chữ Nôm tự tạo).

\* *bã* (linh mục de Rhodes, để ý<sup>2</sup> dạng *b* không phải là *b*), *Bã* (MLT) đều ghi nghĩa là cái tát/tạt - VBL ghi *bã*, Béhaine (1772/1773)/Taberd (1838) ghi *vả* (dấu hỏi, để ý dạng *v*), chữ Nôm dùng Hán tự *bả* 把 cho hai dạng *bả* và *bã* - chữ *bả* 把 (nghĩa là *cầm, nắm...*) cũng hiện diện trong VBL trong *thủ bả* (nghĩa là *người canh gác*), *bả lệnh* (nghĩa là *người cầm canh*)...

\* *bạ* (linh mục de Rhodes, MLT đều ghi dạng *bạ* với dấu *nặng* - nghĩa là *đồ bỏ ra/cái xác* - tuy nhiên VBL trang 17 lại ghi dạng *bã* dấu *ngã*, *bã thuốc*) - Béhaine (1772/1773), Taberd (1838) ghi là *bã* (dấu *ngã*), dạng này tồn tại cho đến nay như *bã chè, bã mía...* Như vậy *bã* đã từng là *bạ* (dấu *nặng*) vào thế kỷ 17, cũng như de Rhodes ghi *rễ* (*rễ cây*, dấu *ngã*) là *rẹ* (dấu *nặng*) - như trong BBC “Dò Rẹ Mĩ pha số lá” - nhưng VBL lại không ghi *rẹ* mà ghi là *rễ* (xem

<sup>1</sup> Các nốt nhạc dùng cho đến nay là do linh mục người Ý Guido of Arezzo sáng tạo từ đầu thế kỷ 11. Đây là những âm đầu của bài thánh ca Saint John The Baptist bằng tiếng latin: **Ut** queant laxis, resonare fibris, **M**ira gestorum, famuli tuorum, **S**olve polluti, labii reatum, **S**ancte **I**ohannes (**Ut** sau đổi thành **Do** vào thế kỷ 17 theo dạng nguyên âm mở/không có phụ âm cuối cũng như trường hợp sol ~ soh ~ so). Thành ra không phải ngẫu nhiên mà các giáo sĩ tiên phong sử dụng phương tiện này để ghi thanh điệu tiếng Việt.

<sup>2</sup> Thời VBL ghi nhận ba dạng *b*, *ɸ* và *v*: *ɸ* là dạng cổ trước khi tách ra thành *v* (giọng Bắc hiện đại), đôi khi thành *b*- và *d*- (*j*- giọng Nam hiện đại) như: *phân ɸua - phân vua - phân bua*; *ɸã - \*vã - vả*. Chữ Nôm *vả* dùng *bả* Hán tự (HV) 把 với *ba* là thành phần hài thanh, điều này cho thấy *ɸ* gần với âm môi *b* hơn là môi răng *v*, như *ɸui* thì chữ Nôm dùng bôi 盃 HV, *ɸua* chữ Nôm dùng 𠵿 𠵿 với thanh phù bố 布...

Hình 1). Một dạng chữ Nôm dùng Hán tự *bá* 播 hay *bả* 把 (dạng này cũng dùng cho *bả*, *bã* như ở trên).

\* *bả* (linh mục de Rhodes, TG đều ghi *bả* dấu hỏi với nét nghĩa “một loại lụa Đông Kinh màu vàng nghệ”). Béhaine (1772/1773), Taberd (1838) ghi *trái bả*, *bả tơ* (cuộn tơ) - *Việt Nam tự điển* ghi *đánh bả* (~ *đánh sợi*, tiếng Đàng Trong). *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* ghi chữ Nôm *bả* là 縹 (Hán tự *ba* biểu âm hợp với bộ *mịch* chỉ nghĩa - loại chữ Nôm tự tạo).

Tạm dịch: “Nhưng mà chúng tôi có thể dùng sáu thanh điệu này vào những nốt nhạc của chúng ta, là vì xem ra có sự tương quan với âm nhạc chúng ta qua các tiếng sau đây: *dò* (cái bẫy, cái dò - VBL trang 174, làm dò chim); *re* (rễ cây - VBL không ghi chữ này nhưng ghi *rễ*, *cội rễ* VBL trang 646) theo cách phát âm của một vài tỉnh<sup>1</sup>; *mĩ* (tên một dòng họ - VBL trang 466 ghi *mĩ*, *tốt* - để ý thanh hỏi); *fa* hay *pha* (*pha trộn* - VBL trang 589 ghi *pha*, *pha rượu*); *sổ* (VBL trang 690 ghi *sổ*, *viết sổ*); *lá* (VBL trang 390 ghi *lá*, *lá cây mía*...); do đó các tiếng này đều có nghĩa trong tiếng Đông Kinh, dựa theo sáu thanh điệu của tiếng Đông Kinh *dò*, *re*, *mĩ*, *pha*, *sổ*, *lá*, chúng ta có thể liên hệ phần nào với sáu cung giọng âm nhạc của chúng ta, cách so sánh tuy không chính xác đến nỗi không có sự khác biệt lớn...”.

Nếu MLT<sup>2</sup> ghi rõ sáu nốt nhạc cho sáu âm trên, với thanh hỏi cao hơn thanh *ngã* - thì linh mục de Rhodes không ghi các nốt nhạc tương ứng với *ba bá bà bã bạ bả*, nhưng lại dùng

Hos autem sex accentus ad nostram musicam tonos sic accommodare possumus ut aliquam cum illa, videantur habere proportionem per has voces ut, dò, pedica; re, radix, in pronuntiatione cuiusdam Prouinciæ; mĩ, nomen cuiusdam familie; fa, vel pha, miscere; sỏ, cathalogus; lá, folium; ita ut ex his vocibus etiam in lingua Tunchinica significatiuis, per sex tonos lingue Tunchinensis, dò, re, mĩ, pha, sỏ, lá, possimus referre aliquo modo sex tonos nostram musicam, non tamen ita exactè, quin magna intersit differentia; quare nullus istos tonos a discere pote-

Hình 1. Trích từ Bản báo báo (BBC) trong *Từ điển Việt-Bồ-La* năm 1651, tr. 9

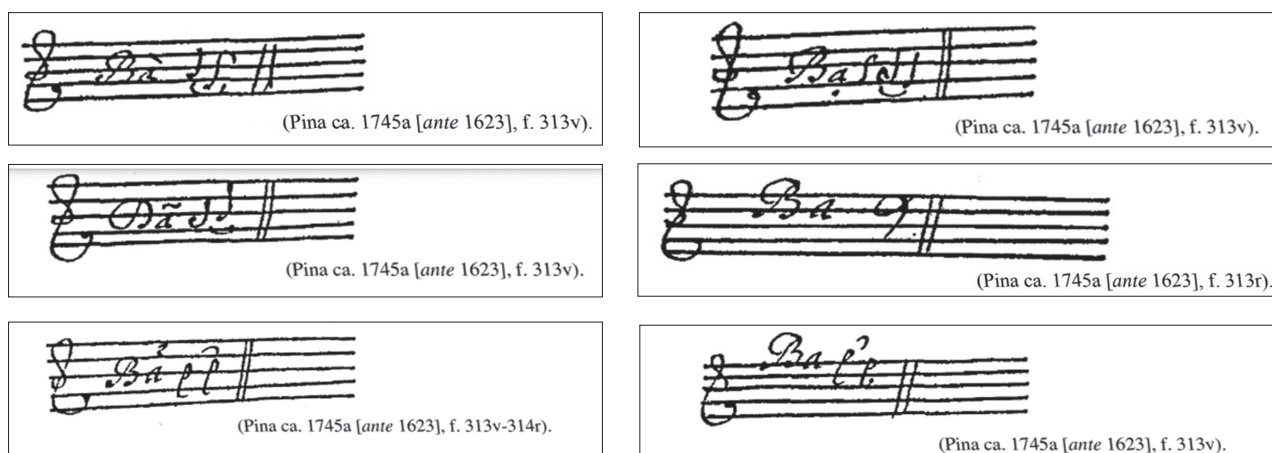


Hình 2. Sáu nốt nhạc truyền thống Tây phương (thấp đến cao C D E F G A B), ti (tiếng Anh) ~ si

<sup>1</sup> Một vài tỉnh ở đây hàm ý các tỉnh ở ngoài Kẻ Chợ (Đông Kinh/Hà Nội). Không những de Rhodes nhắc đến sự khác biệt thanh điệu (*rễ* đọc như *re*, thí dụ; giọng Nghệ Tĩnh nhập thanh *ngã* vào thanh *nặng*), ông còn ghi các cách đọc khác nhau như *dện*, *nhện*, *rện*; *dợn*, *nhợn*, *rợn*... Cùng các cách dùng tương đương như *mũ/nón*, *heo/lợn/sinh*, *hồ/keo*, *hoa (huê)/bông*, *mè/vừng*, *ôm/đầu*, *chăn/mền*, *trái/quả*, *đỗ/đậu*, *mận/roi*... Đây là phương ngữ tiếng Việt trong thời phôi thai chữ quốc ngữ. Sau này, các rối loạn như chiến tranh Nam Bắc/phân chia lãnh thổ càng làm sự khác biệt giữa các phương ngữ rõ nét hơn.

<sup>2</sup> Bài này không bàn về tác giả các nốt nhạc ký âm tiếng Việt này có phải là linh mục de Pina hay không, điều này không ảnh hưởng đến kết luận thanh hỏi cao hơn thanh *ngã* như nhận xét của linh mục de Rhodes hay MLT. Tham khảo các bài viết của Gonçalo Fernandes và Carlos Assunção (2017) trang này chẳng hạn [https://www.persee.fr/doc/hel\\_0750-8069\\_2017\\_num\\_39\\_1\\_3592](https://www.persee.fr/doc/hel_0750-8069_2017_num_39_1_3592); và Phạm Thị Kiều Ly trang này chẳng hạn <https://online.ucpress.edu/jvs/article-abstract/14/2/68/93841/The-True-Editor-of-the-Manufactio-ad-linguam?redirectedFrom=fulltext...>

tên các nốt nhạc với thanh điệu tiếng Việt tương ứng để ghi các từ khác nhau *dờ rẹ mĩ pha số lá*. Để ý hai dạng *rẹ* và *mĩ* không có trong VBL so với *rễ* (~ *rẹ*) và *mỉ* (dấu hỏi ~ *mĩ*). Ngoài ra nốt nhạc *sol* còn có thể ghi là *so* hay *soh*, có lẽ như vậy mà linh mục de Rhodes đã ghi<sup>1</sup> số để chỉ thanh hỏi dựa vào nốt nhạc *sol*. Các nốt nhạc chỉ thanh điệu còn thấy trong hình sau, chụp lại từ bài viết *First codification of Vietnamese by 17<sup>th</sup>-century missionaries: the description of tones and the influence of Portuguese on Vietnamese orthography* của hai học giả Gonçalo Fernandes và Carlos Assunção (2017):



**Hình 3. Âm bá bên trên thiếu dấu sắc do lỗi in ấn hay tài liệu MLT cũ quá với nét ghi mờ**

Dựa vào cách ký âm của de Rhodes *dờ rẹ mĩ pha số lá* và các nốt nhạc của MLT, ta có thể phân biệt hai âm vực (dựa vào độ cao) của tiếng Việt vào thế kỷ 17 ở Đông Kinh:

- a) Âm vực cao: thanh *ngang*, *hỏi*, *sắc* (cao nhất).
- b) Âm vực thấp: thanh *ngã*, *nặng*, *huyền* (thấp nhất).

Kết quả này còn phù hợp với nhận xét của các tác giả trước đây như: Nguyễn Tài Căn (*Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*, 1997), Hoàng Thị Châu (*Tiếng Việt trên các miền đất nước*, 1989), Đoàn Thiện Thuật (*Ngữ âm tiếng Việt*, 2007), Mai Thị Kiều Phương (*Tiếng Việt đại cương - ngữ âm*, 2008)...

So sánh với giọng Hà Nội hiện nay (thế kỷ 21), hai âm vực có phần khác nhau vì thanh *ngã* lên cao so với thanh *hỏi*.

- c) Âm vực cao: thanh *ngang*, *sắc*, *ngã* (cao nhất).
- d) Âm vực thấp: thanh *hỏi*, *nặng*, *huyền* (thấp nhất).

<sup>1</sup> Nếu quả thật linh mục de Rhodes cố ý dùng dạng tương đương so cho nốt nhạc *sol*, hay dùng dạng không có phụ âm sau cùng - và thêm dấu hỏi vào để cho ra dạng số tiếng Việt - thì thật thâm thúy vì từ số rất phổ thông so với *sổn*, *sỏn*... Ngoài ra, thí dụ của de Rhodes là những âm tiết đơn giản và không có phụ âm sau cùng.

Khuynh hướng nâng lên cao của thanh *ngã* gọi là khuynh hướng dời đổi thanh điệu (Tone shift/A - Nguyễn Cung Thông) hay sự đảo ngược thanh điệu (Tone inversion/A - PQT).

Giọng Bắc (Đông Kinh/Hà Nội) tới năm 1897 cho thấy thanh *ngã* đã cao hơn thanh hỏi tối đa là hai nốt nhạc, theo tác giả Paul Gouzien trong cuốn *Manuel Franco-Tonkinois de Conversation spécialement à l'usage du médecin* (Nxb A. Challamel, Paris, 1897) (Hình 4).

Sau đó vài năm, tác giả Édouard Diguët trong cuốn *Grammaire Annamite* (Nxb Imprimerie Nationale, Paris, 1904 - ấn bản lần thứ 3) cũng ghi sáu thanh điệu của giọng Hà Nội, tuy thanh *ngã* không thấy cao hơn thanh *hỏi* ở khúc cuối (Hình 5).

Phân tích thanh điệu theo máy thu thanh và phân tích tần số của thế kỷ 21 - giọng Bắc (Hình 6).

Dựa vào cách phát âm (đường nét vận động) của sáu thanh trên - hay giọng uốn cong hay phát ra từ lòng ngực (linh mục de Rhodes, BBC) - thì ta có ba thanh *hỏi*, *ngã* và *nặng* (bảng tóm tắt bên dưới là tiếng Việt thế kỷ 21 tương ứng với các âm vực *c* và *d* mới hơn như đã ghi bên trên) (hình 7).

Hình 4. Hình minh họa thanh điệu trong sách *Manuel Franco-Tonkinois de Conversation spécialement à l'usage du médecin*

Pour représenter graphiquement les six tons annamites, traçons une portée musicale dont les trois tranches horizontales correspondent aux trois tons simples: les trois tons simples seront figurés par des traits horizontaux dans chaque tranche correspondante, et les trois tons ascendants par des courbes ascendantes d'une tranche à une autre.

GRAPHIQUE DIGUËT.

Hình 5. Hình minh họa thanh điệu trong sách *Grammaire Annamite*

**Tương quan giữa âm Hán Việt và Việt cũng cho thấy các thanh *ngang*, *hỏi*, *sắc* và *nặng*, *huyền*, *ngã* đều liên hệ với nhau<sup>1</sup> - phản ánh các âm cùng âm vực**

<sup>1</sup> Các phụ âm đầu kêu (hữu thanh/voiced/A) có tần số thấp (td. từ 250 Hz đến 4000 Hz) nên thường đi cùng với thanh *huyền*, *nặng*, *ngã* (âm vực thấp) như *mã*, *ma*, *mạ*, *vũ*, *vụ*, *vu*, *nga*, *ngã*, *ngạ*, *la*, *lã*, *lạ*... Còn các phụ âm đầu vô thanh (voiceless/A) như *h*, *ch*, *th*, *ph*, *kh*, *k/c* có tần số cao (thí dụ: từ 2000 Hz đến 8000 Hz) nên thường đi cùng với thanh *ngang*, *hỏi*, *sắc* (âm vực cao) như *hồ*, *hổ*, *thô*, *thổ*, *thố*, *phô*, *phổ*, *phố*... Lớp từ Hán Việt lâu đời hơn/Tiền Hán Việt có thể không theo khuynh hướng trên, thí dụ: *ngiên* *nghiễn* *nghiễn* *nghiễn* *nghiễn*, *nghi* *ngờ* *ngợ* *ngõ*.

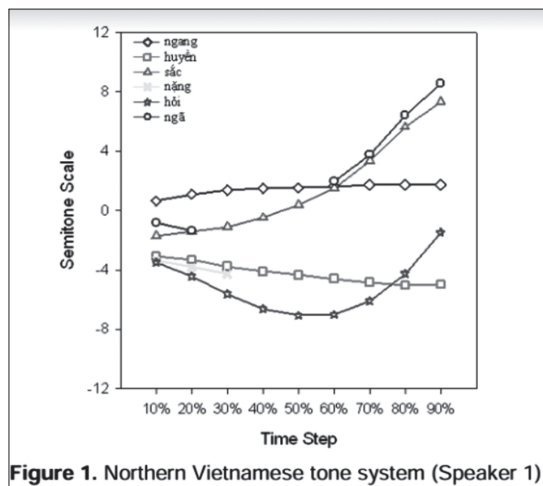


Figure 1. Northern Vietnamese tone system (Speaker 1)

Hình 6. Trích từ bài viết “The ups and downs of Vietnamese tones” (University of Maryland, 2009) với các tác giả Jessica Bauman, Allison Blodgett, C. Anton Rytting, Jessica Shamoo

	BẰNG	TRẮC
CAO	ngang	sắc ngã
THẤP	huyền	hỏi nặng

Vietnamese Tone Grouping andytrananh@yahoo.com

Hình 7. Trích từ bài viết “Tìm hiểu về thanh điệu trong tiếng Việt của Andy Tran Dao Anh<sup>1</sup>”

### Hỏi, sắc, ngang

bản (bổn) 本 vốn (có tác giả gọi dạng này là Hán Việt Việt hóa).

ki 几 ghế

ảm 黯 ám (nghĩa là u ám)

giảm 減 kém, so với giam 監 khám

cẩm 錦 gấm

khản 懇 khấn

xảo/khảo 巧 khéo

khổ 苦 khó

khẳng 肯 khứng (chẳng khứng/VBL ~ không muốn).

phủ 斧 (cái) búa - để ý phủ 符 là bùa, phụ 婦 trong cách dùng quả phụ 寡婦 (~ góa (hóa) bụa

chủ 主 chúa

phế 肺 phổi

<sup>1</sup> Andy Tran Dao Anh (2014). "Tìm hiểu về thanh điệu trong tiếng Việt". *academia.edu*.



thố 兔 thỏ

tán 散 tán (nghĩa là tan)

tứ 四 tư

khố 庫 kho

thán 嘆 thanh (nghĩa là than thở)

hoang 荒 vắng (nghĩa là hoang phế)

...

### Ngã, nặng, huyền

lợi 利 lời, lãi

vãn 晚 muộn

vạn 萬 vãn, man (VBL), muôn (VBL)

tự 字 chữ

tự 寺 chùa

nhị 二 nhì

hạ 夏 hè

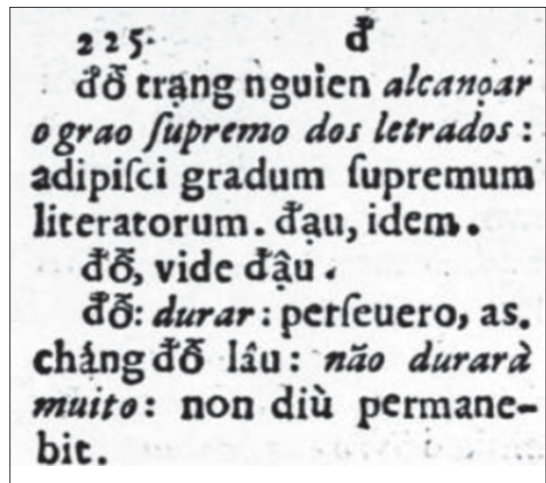
cận 近 gần

vụ 霧 mù (sương mù)

vụ 務 mùa

sự 事 thờ (VBL: sự thượng đế ~ thờ đũa trên)

...



Hình 8. Hình trong sách

Từ điển Việt-Bô-La (trang 225): đở ~ đậ

**Cách phân bố thanh điệu trong từ láy tiếng Việt (để cho hài hoà thanh điệu - tone harmonisation) cũng cho thấy thanh hỏi ở vị trí cao. Quy tắc bổng (âm vực cao) chi phối từ láy có một âm tiết đầu mang thanh ngang, sắc, hỏi thì âm tiết đi cùng cũng mang thanh hỏi**

- Từ láy có một âm tiết đầu mang thanh ngang hay thanh hỏi: lơ lửng (VBL), đo đở, nho nhỏ, da dẻ, dai dẳng, dư dả, đon đả, nham nhở, thông thả, thon thả, thơ thẩn, sa sả, vui vẻ, xây xẩm, leo leo, châu châu, đom đóm, bươm bướm, sung sướng, tím tím, trắng trắng, ra rả, rặng rấc, rậm rấp... So với hả hề, hở hang, lẻ loi, mỏng manh, mở mang, rủ rê, nể nang... So với xang xác (VBL), xa xác (VBL) có cấu trúc [thanh ngang + thanh sắc];

- Từ láy có một âm tiết mang thanh sắc: *bướng bình, cứng cõi, gấng gói, gắt gỏng, khấp khởi, kháu khỉnh, hắt hủi, hóm hình, hiểm hóc, hớn hỏ, lắt léo, lấp lửng, láu lỉnh, mát mẻ, nhảm nhí, phấp phồng* (so với phập phồng âm vực thấp), *rẻ rúng, rác rưởi, tấp tểnh, trắng trẻo, vất vưởng, vớ vẩn, vẳng vẻ* (VBL), *xấp xỉ, xó xỉnh, xối xả...* So với *tinh táo, thẳng thắn, gỏi gấm...* *nón na/ nón na* (VBL)...

- Từ láy có một âm tiết mang thanh huyền (âm vực thấp) thì âm tiết đi cùng là *huyền*, *ngã*, *nặng* như *sồ sỗ* (coi *sồ sỗ*/VBL), *rình rịch* (đi *rình rịch*/VBL), *buồn bã, gần gũi, liêu lĩnh, lằm lổm, lằm lũi, gịn giữ, tầm tã, suông sã, rầu rĩ, thờ thẩn, hờ hững, xoàng xĩnh, phè phỡn, bừa bãi, thừa thãi, nghề ngỗng, lừng lẫy, ruồng rẫy, lơ lững, đặng đặng, mò mẫm, nhàn nhã, nhọc nhằn, cộc cằn...* So với *lãng mạn, lũ lụt, hãm hại, nhẫn nhẹn, lễ lộc, lỗi lạc, rữ rươi...*

Các từ láy ba hay bốn cũng có khuynh hướng cùng âm vực như *sạch sành sanh, lúng ca (cà) lúng củng...* Một số 'ngoại lệ' có thể giải thích phần nào do thời gian xuất hiện sau này, khi có sự thay đổi của âm vực (thanh *ngã* trở nên cao hơn thanh *hỏi*) để cho ra cấu trúc [thanh *ngang* + thanh *ngã*] thay vì theo cấu trúc truyền thống [thanh *ngang* + thanh *hỏi*]: *khe khẽ, lam lũ, ngoan ngoãn, nông nổi, tro trên, ve vãn...*

So sánh với các trường hợp từ láy vào thời VBL với cấu trúc [thanh *nặng* + thanh *hỏi*] như:

*lặng lẽ* (VBL) trở thành *lặng lẽ* (tiếng Việt hiện đại)

*tục tũu* (VBL) > *tục tũu* (tiếng Việt hiện đại)

*lạnh lẽo* (VBL) > *lạnh lẽo* (tiếng Việt hiện đại)

*đẹp đẽ* (VBL) > *đẹp đẽ* (tiếng Việt hiện đại)

*mạnh mẽ* (VBL) > *mạnh mẽ* (tiếng Việt hiện đại)

*rầu rĩ* (VBL) - *rầu rĩ* với cấu trúc [thanh *huyền* + thanh *hỏi*] cho thấy *huyền/hỏi* âm vực thấp.

Nhưng để ý *sạch sẽ* đã hiện diện vào thời VBL (mục *sạch*, VBL trang 669). Cấu trúc từ láy thời VBL là một chủ đề không đơn giản và rất thú vị cần được khai triển sâu xa hơn, nhưng không nằm trong phạm vi bài này.

- Khảo sát một nhóm gồm 395 từ dùng dấu hỏi và ngã trong VBL thì ta thấy rằng:

+ 70 từ phân biệt *hỏi/ngã* như *ngỏ - ngô, lẽ - lẽ (mlẽ, nhẽ), mở - mở, nhủ - nhũ, nhản - nhẫ, nổi - nổi, chủ - chủ, sải - sãi, vẻ - vễ, bảo - bảo, cổ - cổ, sẻ - sẻ, bể - bể, mũ - mũ, hỉ - hỉ...* Sự phân biệt *hỏi - ngã* của các từ này vẫn còn hiện diện trong tiếng Việt hiện đại.

+ 291 trong 395 từ khảo sát chỉ dùng dấu hỏi chứ không dùng dấu *ngã*: thí dụ: *chỉnh, lĩnh, vả, kẻ, đi, nghỉ, duong, dả, đẽ, bãi, bốn, ảnh, đãi, đồ, kềm, hỏn, hủ, giá, ghé, gả, mìn, mây, phẩu, quỉ, rẫy, vỉ, vữa, trúng...* Số từ dùng thanh *hỏi* trong nhóm từ khảo sát là  $361/395 = 91.4\%$ .

+ 34 trong 395 từ khảo sát chỉ dùng dấu *ngã* chứ không dùng dấu *hỏi*: thí dụ: *những, lễ, hũu (hữu), giữ, đỗ, vỗ, quăng, rươi, thĩ, xã, thể...* Như vậy số từ dùng dấu *ngã* trong 395 từ

khảo sát bên trên (VBL) là 104 hay  $104/395 = 26,5\%$ . Theo GS. Hoàng Phê (*Dấu hỏi hay dấu ngã*, Trung tâm tự điển học, tháng 1.1996) thì trong 1.270 âm tiết tiếng Việt với dấu hỏi hoặc với dấu ngã, trong đó có 793 âm tiết (chiếm 62%) viết dấu hỏi, 477 âm tiết (38%) viết dấu ngã. Thành ra, sau gần 400 năm, phần trăm dùng dấu ngã đã tăng từ 26.5 đến 38 hay +11.5 (%). Điều này cho thấy thanh ngã đã phát triển để tiếng Việt thêm phong phú<sup>1</sup> cho đến nay. Một kết quả của khuynh hướng nâng cao của thanh ngã (từng là âm vực thấp) là trường hợp *ngả - ngã*: *ngả ba*, *ngả tư* từng dùng dấu hỏi, nhưng bây giờ còn có các dạng *ngã ba*, *ngã tư*...

- Một trường hợp đáng chú ý là âm đà: chữ Nôm là 𪗇. Theo cụ Huỳnh Tịnh Paulus Của (*Đại Nam quốc âm tự vị*) thì *đà* là đã 'nói theo vận': thí dụ: *đà rồi ~ đã rồi*, *đà có ~ đã có*, *đà phải ~ phải rồi*. Tuy VBL không có ghi<sup>2</sup> *đà* mà chỉ ghi dạng *đã* (*đã qua*, *xong*) nhưng âm đà từng hiện diện trong các tài liệu Nôm rất cổ như:

- 身它歇累身軼珥: *Thân đà hết lụy thân nên nhẹ* (*Quốc âm thi tập*, "Úc Trai di tập", tr. 13a)

- 后羿箕麵姮娥. 張弓悶弮 離它拯當: *Hậu Nghệ thấy mặt Hằng Nga. Giương cung muốn bắn, le đà chảng đang* (*Thiên nam ngữ lục*, tr. 92a) - đã phải đọc là *đà* cho hợp vần - xem thêm các thí dụ bên dưới của *Truyện Kiều*.

...

Ngay cả đến thời Nguyễn Du, *Truyện Kiều* với 3.524 câu đã dùng chữ *đã* (chỉ quá khứ) 265 lần và *đà* xuất hiện 35 lần:

- 翻它簪技颯淩包睭: *Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ* (câu 70) - đã phải đọc là *đà* cho hợp vần bằng.

- 詔光趁遜龟外鞞迺: *Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi* (câu 40) - đã chữ Nôm là 𪗇

...

Tuy *đà* (một dạng của *đã*) không còn thấy dùng nữa trong tiếng Việt, nhưng các cách dùng trên cho thấy thanh *ngã đã* từng liên hệ với thanh *huyền đà* hay cùng một âm vực thấp. Để cho dễ nhớ quy tắc hài thanh trầm bổng (*huyền-ngã-nặng / ngang-hỏi-sắc* - theo âm vực cũ đã trình bày bên trên), ta thường ghi nhớ hai câu lục bát sau:

*Em huyền mang nặng ngã đau*

*Anh ngang sắc thuốc hỏi đầu bót chua.*

<sup>1</sup> Tuy nhiên vẫn chưa tận dụng hoàn toàn tiềm năng của thanh hỏi ngã, như vẫn chưa dùng các dạng *cã* (so với *cả*), *khã* (so với *khả*), *thã*, *thạ* (so với *thả*)... Ngoài ra, tiếng Việt vẫn còn phát triển thanh điệu (thí dụ thanh *ngã*) liên tục cho đến nay chứ không phải đã hoàn tất vào thế kỷ 12 như học giả Haudricourt trong bài viết "De l'origine de la ton de Vietnamien", *Journal Asiatique* 242, 69-82.

<sup>2</sup> *Tự điển Béhaine* (1772/1773), *Tự điển Taberd* (1838) có ghi *đà* (~ jam/L hàm ý đã rồi).

Hay:

*Em huyền mang nặng ngã đau*

*Anh ngang sắc thuốc hỏi đau chỗ/thế nào.*

## Tiếng Việt đến đồng bằng sông Cửu Long

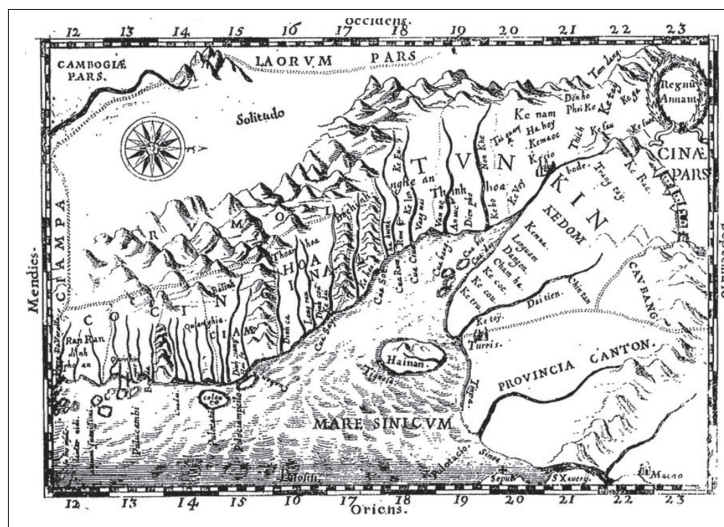
### *Giọng Nam (Đàng Trong)*

Thời VBL ra đời thì ranh giới phía nam của Việt Nam nằm trong khu vực Quy Nhơn (xem bản đồ An Nam của linh mục de Rhodes bên dưới, năm 1651/1653). Đặc biệt là địa danh *Quy Nhơn* (linh mục de Rhodes ghi là *Quinhin - nhon* đọc là *nhin* theo VBL trang 552 như *nhin sâm, nhìn đức, nhìn danh cha...*), ở ngay cực nam cùng với các tên *Ran Ran, dinh pho an*, mà *Quy Nhơn* vẫn còn là địa danh cho tới ngày nay.

Điều này có phải ngẫu nhiên hay không? Ảnh hưởng của Quy Nhơn như thế nào mà còn để lại dấu ấn cho đến hiện tại? Đây là những điểm cần phải tìm hiểu sâu xa hơn từ các góc độ khác nhau như ngôn ngữ, dân tộc học cùng lịch sử hình thành Đàng Trong và Nam Bộ... Chủ đề này không nằm trong phạm vi bài viết 47A.

Rất hiếm tài liệu về thanh điệu 'giọng Nam Bộ' vào thời trước, tuy nhiên có một vài tài liệu đáng chú ý. Thí dụ: tập sách chép tay ghi từ vựng tiếng Đàng Trong -

Latin *Lexicon Cochinchinense Latinum* của linh mục Josepho Maria Morrone - được giao cho trung úy hải quân Mỹ John White (1782 - 1840) ở Sài Gòn trước khi ông này rời Việt Nam trở về Mỹ năm 1820. Tài liệu này sau đó được xuất bản vào năm 1838 bởi nhà ngôn ngữ Mỹ Peter Stephen Du Ponceau (1760 - 1844), trong bài viết *A Dissertation on the nature and character of the Chinese system of writing*, xuất bản bởi The American Philosophical Society (M'Carty and Davis). Cùng xuất hiện với tài liệu này là *Bảng từ vựng tiếng Đàng Trong - tiếng Pháp (Vocabulaire domestique Cochichinois Francais)* chép tay, trong đó linh mục Morrone có ghi thanh điệu tiếng Việt (Đàng Trong) trang 2 (Hình 10), để ý tác giả ở cuối trang ghi nơi viết là ở Sài Gòn, ngày 12 tháng 12 năm 1819. Trong tài liệu này thì thanh ngang được ghi



**Hình 9. Bản đồ An Nam  
của linh mục de Rhodes**

bằng nốt *la* và thanh hỏi cao hơn thanh *ngã* một nốt nhạc<sup>1</sup>, tác giả cũng ghi rõ trong trang 1 là giọng *Đàng Trong* có sáu thanh *a, á, à, ả, ạ, ã*.

Vào năm 1838, linh mục Taberd (1794 - 1840) cũng cho ta thấy các thanh điệu qua nốt nhạc trong phần đầu của tài liệu *Dictionarium Anamitico-Latinum* in năm 1838. Tài liệu (*Tự điển Việt - Latin*, thường gọi là *Tự điển Taberd*) này thật ra là bản cập nhật từ *Tự điển Việt - Latin* của linh mục Pierre Pigneau de Behaine (1741 - 1799) soạn vào khoảng 1772/1773.

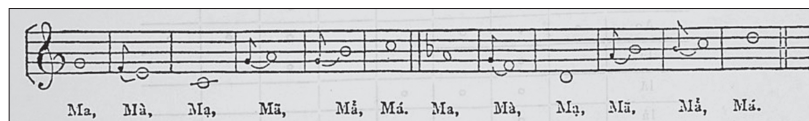
Điều đáng chú ý là các tài liệu này phản ánh tiếng *Đàng Trong* (so với *Đàng Ngoài*) vì các vị này hoạt động ở miền Nam chứ không phải ở *Đông Kinh*. Tuy ghi là tiếng An Nam, nhưng thật ra đa phần là tiếng *Đàng Trong* như một đoạn trích từ *Tự điển Taberd* cho thấy vị linh mục này ý thức rất rõ phương ngữ các vùng qua cách dùng *blá - trá* và *lời - mlời*:



Hình 10. Hình chụp từ *Vocabulaire domestique Cochichinois Francais* của linh mục Morrone<sup>2</sup>

L pronunciatum sicut in lingua latinâ vel gallicâ, ut v. g. La, *vociferari*, lá mái, *lacunar*. Tunquinenses sæpiùs addunt B, ad l et dicunt v. g. blá, *solvere*; in quibusdam provinciis Cocincinæ Tunquino finitimis, dicitur tlá loco blá, quod idem sonat, sed minùs benè quam vera vox Anamitica trá, *solvere*. Iidem addunt M ante l et loco lời *verbum*, proferunt mlời, &c.

Hình 11. Một đoạn trích từ *Tự điển Taberd*<sup>3</sup>



Hình 12. Thanh điệu tiếng Việt (*Đàng Trong*)<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Có thể linh mục Morrone đã ghi lại thanh điệu từ một 'ốc đảo thổ ngữ' ở Nam Bộ. Thí dụ: một làng Công giáo di cư đến? Không thấy ông ghi chi tiết, nhưng từ tựa đề của tài liệu là *Vocabulaire domestique Cochichinois Francais*, cũng như nơi soạn tài liệu này là ở *Sài Gòn* - ta có cơ sở để kết luận các thanh điệu (qua nốt nhạc) là giọng Nam Bộ - dù có thể là từ một "ốc đảo", nhưng phạm vi ảnh hưởng của "ốc đảo" này rất lớn, đủ để cho Morrone ghi lại như đại diện cho toàn thể Cochichinois.

<sup>2</sup> Trích từ: *Cochin-Chinese & French vocabulary = Vocabulaire Cochin-Chinois et Français: Catholic Missionary at Saigon in Cochinchina, 1819*. Morrone, Joseph Maria, Rev.: Free Download, Borrow, and Streaming: Internet Archive.

<sup>3</sup> Trích từ: [nomfoundation.org/nom-tools/Taberd-Dictionary?p=fulltext&item=2&view=12&uiLang=en](http://nomfoundation.org/nom-tools/Taberd-Dictionary?p=fulltext&item=2&view=12&uiLang=en).

<sup>4</sup> Trích từ: [nomfoundation.org/nom-tools/Taberd-Dictionary?p=fulltext&item=2&view=12&uiLang=en](http://nomfoundation.org/nom-tools/Taberd-Dictionary?p=fulltext&item=2&view=12&uiLang=en).

Linh mục Taberd dùng nốt nhạc *sol* cho thanh *ngang*, so với linh mục Morrone dùng nốt *la* cao hơn một bậc. Tuy nhiên, thanh *hỏi* vẫn cao hơn thanh *ngã* một bậc dù bắt đầu giống nhau ở cùng nốt *sol*. Có thể xem các thanh điệu Taberd là thanh điệu Morrone giảm một nốt nhạc.

Tóm lại, dựa vào các nốt nhạc của Taberd và Morrone, ta có thể đề kết luận là giọng Nam (Đàng Trong) từng có sáu thanh điệu và có khả năng phân biệt được thanh *hỏi* và *ngã*.

### Giọng Nam (Sài Gòn) hiện đại

Một điều rất dễ nhận ra là giọng Nam (Sài Gòn) hiện đại không phân biệt thanh *hỏi* và thanh *ngã*<sup>1</sup>, như ghi nhận của nhiều tác giả. Thí dụ: nhận xét<sup>2</sup> của tác giả Mai Thị Kiều Phương “*Trong phương ngữ Nam chỉ có năm thanh: ngang, huyền, sắc, nặng, hỏi (thanh ngã bị nhập vào thanh hỏi)*” (Tiếng Việt - Đại cương - Ngữ âm, tr. 288). Biểu đồ dưới (trang 14) cho thấy hai thanh *hỏi* và *ngã* nhập thành một cho một giọng Nam Bộ (Speaker 10), rất khác với biểu đồ giọng Bắc (Hà Nội, Speaker 1) ở trang 7, khi so sánh hai thanh *hỏi* và *ngã*.

Đầu thế kỷ 20, Édouard Diguet đã ghi nhận giọng Nam Bộ trong thực tế không phân biệt *ngã* và *hỏi* (*Grammaire Annamite*, tr. 4) (Hình 14).

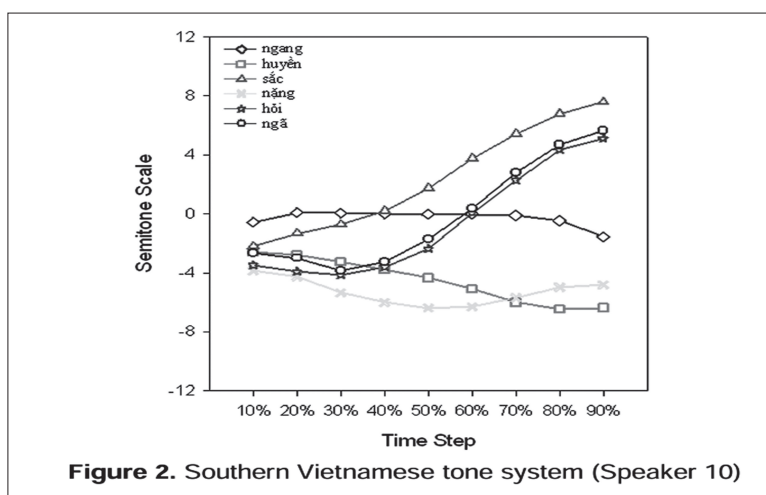


Figure 2. Southern Vietnamese tone system (Speaker 10)

Hình 13. Trích từ *The ups and downs of Vietnamese tones* của Jessica Bauman, Allison Blodgett, C. Anton Rytting, Jessica Shamoo (University of Maryland, 2009)

**(1) En Cochiuchine, ce ton se confond dans la pratique avec le précédent.**

Hình 14. Trích từ *Grammaire Annamite* của Édouard Diguet

<sup>1</sup> Tham khảo bài viết "Phương ngữ Nam Bộ trong ca khúc và dân ca Nam Bộ", tác giả Phạm Hoài Phương, đăng trong Tạp chí *Khoa học Đại học Văn Lang* ngày 22.09.2020, hay bài viết "Tiếng Việt Nam Bộ" của tác giả Lý Tùng Hiếu trên trang: <https://libero.school/tieng-viet-nam-bo/>

<sup>2</sup> Tham khảo thêm: [https://ngonngu.net/pn\\_nguam\\_3vung/313](https://ngonngu.net/pn_nguam_3vung/313), hay <https://ane.edu.vn/ngu-am-dia-phuong-cua-tieng-viet/>

Một cách giải thích tại sao lại có giọng Sài Gòn hiện đại là do kết quả của các đợt di dân từ Đàng Trong, mà gần nhất (không gian) là từ khu vực Quảng Nam (“kẻ Quảng” vào thế kỷ 17) và tiếp xúc ngôn ngữ (language contact/ A) từ các nhóm người cùng sống chung ở đồng bằng sông Cửu Long. Các tài liệu xưa như *Gia Định thành thông chí* (Trịnh Hoài Đức) ghi lại rằng trước khi người Việt đến Đồng Nai - Gia Định thì đã có người Khmer, sau đó là người Hoa (từ miền Nam Trung Quốc như Triều Châu, Quảng Đông, Phúc Kiến... Xem Phụ lục 1) và một số dân tộc láng giềng như người Mã Lai, Indonesia (Java)... Sự cộng cư trong vùng đất mới này dẫn đến giao thoa về mặt kinh tế, văn hóa và dĩ nhiên là ngôn ngữ. Cư dân từ khu vực gần nhất như Quảng Nam/Quy Nhơn ở Đàng Trong đã mang tiếng nói của mình vào phương Nam, và vào thời đầu thì vẫn còn phân biệt được *hỏi - ngã*. Thí dụ: giọng Bình Định (xem Phụ lục 2). Tuy nhiên, sau một thời gian hòa đồng cùng với các nhóm dân tộc khác, có nguồn gốc là ngôn ngữ không thanh điệu như tiếng Khmer, Chăm, Mã Lai, giọng Sài Gòn thay đổi và mang những tính chất đặc trưng như hai thanh *hỏi - ngã* nhập lại thành một.

Không chỉ có sự thay đổi thanh điệu, vốn từ vựng Nam Bộ cũng thay đổi phản ánh quá trình tiếp xúc ngôn ngữ: như các cách dùng *tía (cha)*, *lì xì*, *thèo lèo*, *xí mụi* (của người Hoa, như Triều Châu chẳng hạn), hay: *xà quăng*, *mình ên*, *Sóc Trăng*, *vàm* (của người Khmer), *mã tà (cảnh sát)*, từ người Mã Lai)...

Không có dụng cụ máy móc để thu thanh và phân tích tần số với mức độ âm thanh, các nốt nhạc trở thành phương tiện ghi nhận thanh điệu tiếng Việt quan trọng hơn lúc nào hết vào thời trước. Chúng tôi đã tóm tắt dữ kiện về thanh *hỏi - ngã* theo dòng thời gian cùng lịch sử, sau đó đưa ra một cách giải thích về giọng Sài Gòn hiện nay trong bài này, và sẽ đi vào chi tiết hơn nữa trong các bài kế tiếp, với hy vọng đây sẽ là một động lực, cũng như gợi ý cho người đọc cùng tra cứu và tìm ra nhiều kết quả thú vị về tiếng mẹ đẻ của chúng ta.

### Lời cảm ơn

Tác giả xin cảm ơn các anh Hoàng Ngọc Tuấn, Phạm Quang Tuấn, Lê Bá Hồng, Trần Văn Mai, Lưu Tiến Hiệp và chị Nguyễn Thị Kim Thu đã đóng góp trong các trao đổi để trở thành một phần nội dung của bài này.

### Tài liệu tham khảo

Alexandre de Rhodes (1651) (1961). *Phép giảng tám ngày*. Sài Gòn: Tủ Sách Đại Kết (in lại từ Tỉnh Việt Văn Đoàn với phần giới thiệu của tác giả Nguyễn Khắc Xuyên).

- Alexandre de Rhodes (1651) (1991). *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* (Từ điển Việt-Bồ-La). Bản dịch của Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính. TP.HCM: Khoa học xã hội.
- Đoàn Thiện Thuật (2007). *Ngữ âm tiếng Việt*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Gonçalo Fernandes/Carlos Assunção (2017). *First codification of Vietnamese by 17<sup>th</sup> century missionaries: the description of tones and the influence of Portuguese on Vietnamese orthography*. [https://www.persee.fr/doc/hel\\_0750-8069\\_2017\\_num\\_39\\_1\\_3592](https://www.persee.fr/doc/hel_0750-8069_2017_num_39_1_3592)
- Hoàng Thị Châu (1989). *Tiếng Việt trên các miền đất nước - Phương ngữ học*. Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Huỳnh Tịnh Paulus Của (1895/1896). *Đại Nam quốc âm tự vị*. Tome I, II. Saigon: Imprimerie REY, CURIOL & Cie, 4 rue d'Adran.
- Jean Louis Taberd (1838). *Dictionarium Annamitico-Latinum*. Bengale: Serampore
- Jean Louis Taberd (1838). *Tự điển La Tinh - Việt*. Bengale: Serampore
- Jessica Bauman, Allison Blodgett, C. Anton Rytting, Jessica Shamoo (2009). *The ups and downs of Vietnamese tones - A description of native speaker and adult learner tone systems for Northern and Southern Vietnamese*. University of Maryland Center for Advanced Study of Language; [https://sealinguist.wordpress.com/wp-content/uploads/2015/04/tto\\_2118\\_e-5-the\\_ups\\_and\\_downs\\_of\\_vietnamese\\_tones\\_section2.pdf](https://sealinguist.wordpress.com/wp-content/uploads/2015/04/tto_2118_e-5-the_ups_and_downs_of_vietnamese_tones_section2.pdf).
- Josepho Maria Morrone (khoảng đầu thế kỷ 19). *Lexicon Cochín-sinense Latinum*, in trong: Peter Stephen Du Ponceau (1838). *A Dissertation on the nature and character of the Chinese system of writing*. USA: Kessinger Publishing.
- Mai Thị Kiều Phương (2008). *Tiếng Việt - Đại cương - Ngữ âm*. Hà Nội: Khoa học xã hội
- Nguyễn Cung Thông (2023). Loạt bài viết “Tiếng Việt từ thế kỷ 17”, về thanh điệu tiếng Việt, tham khảo “Tiếng Việt thế kỷ 17: cách dùng vợ lẽ, lạng lẽ... vào thế kỷ 17 và những hệ lụy” (phần 38).
- Nguyễn Quang Hồng (2015). *Tự điển chữ Nôm dẫn giải*. Tập 1 và 2. Hà Nội: Khoa học xã hội - Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm.
- Nguyễn Tài Cẩn (1997). *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt - sơ thảo*. Hà Nội: Giáo Dục.
- Nguyễn Văn Lợi (2018). Sự hình thành cách ghi thanh điệu chữ Quốc ngữ”, <https://vanviet.info/nguyen-cuu-phe-binh/su-hnh-thnh-cch-ghi-thanh-dieu-chu-quoc-ngu/> .
- Pigneau de Béhaine (1772/1773) (1999). *Dictionarium Annamitico-Latinum*. Dịch và giới thiệu bởi Nguyễn Khắc Xuyên. TP.HCM: Trẻ.



## PHỤ LỤC

1. Vài đoạn trích từ *Gia Định thành thông chí*<sup>1</sup> của học giả, gốc Phúc Kiến, Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825, cũng là một nhân chứng lịch sử). Tài liệu này cho thấy sinh hoạt cộng đồng địa phương sôi động và quá trình tiếp xúc ngôn ngữ giữa các nhóm dân có nguồn gốc khác nhau - trích từ bản dịch của tác giả Lý Việt Hùng và Huỳnh Văn Tới hiệu đính/chú giải (Biên Hòa, 2004) :

Gia Định ở về phía nam nước Việt, khi mới khai thác, thì có lưu dân nước ta cùng người Đường (tục gọi người nhà Đại Thanh là Đường nhân, cũng như người dân tộc tứ di gọi người Trung Quốc là Hán nhân, người Hán đây không phải là Lưu Hán<sup>10</sup>, người Đường đây không phải là Lý Đường<sup>11</sup>. Sách Quảng Đông tự nhận mình là người Đường của đời Đường Ngu<sup>12</sup> chẳng qua chỉ là lời quá

khoa trương). Người Tây Dương (các nước như Phú Lãng Sa<sup>13</sup>, Hồng Mao<sup>14</sup>, Mã Cao<sup>15</sup>, đều gọi là Tây Dương) [3a] Cao Miên, Đồ Bà (người Sơn man, ở núi đảo theo đạo Bái Nhật (lạy mặt trời)<sup>16</sup> ở trong 36 cửa bể Mãn Lạt Gia, đều gọi là Đồ Bà), những người các nước ấy đến sinh sống chung nhau rất đông mà y phục đồ dùng đều theo kiểu của dân tộc họ. Duy có người Việt ta theo tục cũ Giao Chi: người quan chức thì đội khăn cao sơn (khăn đóng) mặc áo phi phong (áo dài), mang giày bì đà; hạng sĩ thứ thì bới tóc, đi chân đất, trai gái đều mặc áo ngắn tay bầu cổ thẳng, may kín hai nách, không có quần dài, quần ngắn, trai thì dùng 1 tấm vải buộc từ lưng thẳng đến dưới háng vòng đến rún, gọi là cái khổ, gái thì mặc váy không gấp nếp, đội nón lá lớn; hút điều bình, ở nhà thấp, trải chiếu ngồi không dùng bàn ghế. Năm Mậu Ngọ (1738) đời Thế Tông Hiếu Võ hoàng đế (Lê Ý

...

[10b] Người ở đây nói tiếng địa phương thường hay pha tiếng Tàu, tiếng Cao Miên, người nghe tập quen dần rồi tự biết, mà không để ý phân biệt chỗ khác lạ được một cách rõ ràng. Như quát mãi (mua sỉ) thì nói là óa; khi trảm (lừa phỉnh) thì nói là khí xô; áp tạ (vái chào) thì nói là xá; phốc tái (chờ bằng ghe chài lớn) thì nói là bốc chài; thi (là cái muỗng) thì nói là thung xi; đối trừ (khẩu trừ) thì nói là tụi; phiến trụ (cái rui (tua) treo ở cán quạt) thì nói là xí tụi; thái nghi (khúc lụa màu) thì nói là xái kỹ<sup>29</sup>; trư đồ (bao tử heo) thì nói là tư tẩu<sup>30</sup>; trư thận (cật heo) thì nói là tư yêu<sup>31</sup>; miến tuyền (sợi miến) thì nói là mỳ xọa (xụa), ấy là nói theo tiếng của người Tàu. Còn như sang sống thì gọi tầm long; chủ sự thì nói là tăng khạo<sup>32</sup>; thần thuyền là thần dục; cái bao nhỏ thì nói là cà ròn<sup>33</sup>; đối trừ (sang nợ qua) thì nói là gặt, ấy là nói theo tiếng Cao Miên. Những tiếng ấy người ở nơi khác đều không biết. Các tiếng loại này còn rất nhiều, đây chỉ đơn cử ra để nêu sự lạ mà thôi.

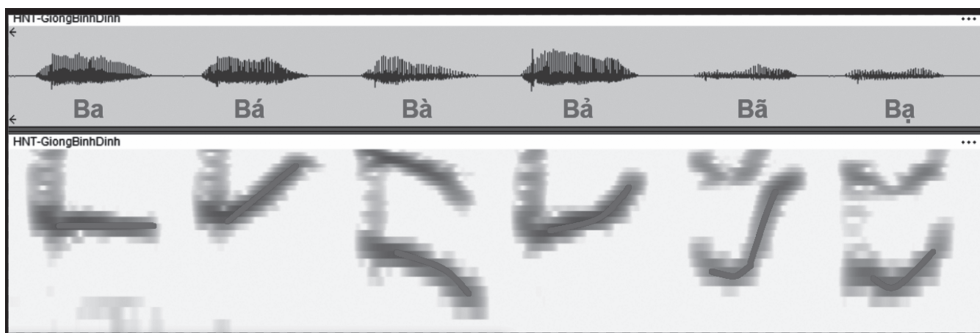
...

2. **Giọng Bình Định:** theo cách phát âm<sup>2</sup> của anh Hoàng Ngọc Tuấn (Sydney, Úc - thu thanh vào tháng 9 năm 2024) cho thấy thanh hỏi cao hơn thanh ngã - phù hợp với các nốt nhạc ghi nhận bởi Morrone (đầu TK 19, Sài Gòn) và Taberd (1838):

Giọng Bình Định của anh Hoàng Ngọc Tuấn (theo ghi âm PQT - 9/2024):

<sup>1</sup> Tham khảo thêm *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức - dịch giả Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Đào Duy Anh (hiệu đính và chú thích). Hà Nội: Giáo Dục, 1998.

<sup>2</sup> Cảm ơn PGS TS Nguyễn Văn Huệ (University of Social Sciences and Humanities, VNU HCM) đã dùng phần mềm Praat để vẽ biểu đồ thanh điệu này.



3. Ngay cả đến thập niên 2010, vẫn có người dùng nốt nhạc để học thanh điệu tiếng Việt, như trường hợp một bạn tên Ben người Mỹ - trích từ trang này<sup>1</sup> <https://abenabroad.blogspot.com/2017/05/the-musicality-of-vietnamese-tones.html>

<sup>1</sup> Hình như bạn này viết sai chữ phường (thanh huyền) thành ra phương (thanh ngang) "sống ở phường hai, quận ba"! Thanh ngang ghi bằng nốt si hay ti (~ B).